Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9001.90.10

Mã HS	9001.90.10
Mô tả hàng hóa	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học / - Loại khác: / - - Sử dụng cho máy ảnh hoặc máy quay phim hoặc máy chiếu
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 00:05:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90019010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17923
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17923
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17923
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17221
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17150
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17150
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17150
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17150
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17150
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17150
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17206
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17206
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17206
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17206
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17206
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17207
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17207
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17207
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17207
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17207
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17207
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17212
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17168
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17164
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17164
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17164
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17164
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17164
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17164
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17210
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17210
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17210
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17210
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17210
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17210
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17272
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17272
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17272
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17272
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17272
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17248
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17248
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17248
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17248
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17248
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17248
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17243
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17243
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17243
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17243
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17243
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17243
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17273
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17273
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17273
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17273
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17273
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17273
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17272
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17272
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17272
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17272
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17272
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17366
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17366
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17366
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17366
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17366
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17366
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17366
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17235
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17235
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17235
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17235
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17235
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17235
RCEP B	2022	2022	0	B!D17235
RCEP B	2023	2023	0	B!E17235
RCEP B	2024	2024	0	B!F17235
RCEP B	2025	2025	0	B!G17235
RCEP B	2026	2026	0	B!H17235
RCEP B	2027	2027	0	B!I17235
RCEP C	2022	2022	0	C!D17233
RCEP C	2023	2023	0	C!E17233
RCEP C	2024	2024	0	C!F17233
RCEP C	2025	2025	0	C!G17233
RCEP C	2026	2026	0	C!H17233
RCEP C	2027	2027	0	C!I17233
RCEP D	2022	2022	0	D!D17232

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17232
RCEP D	2024	2024	0	D!F17232
RCEP D	2025	2025	0	D!G17232
RCEP D	2026	2026	0	D!H17232
RCEP D	2027	2027	0	D!I17232
RCEP E	2022	2022	0	E!D17236
RCEP E	2023	2023	0	E!E17236
RCEP E	2024	2024	0	E!F17236
RCEP E	2025	2025	0	E!G17236
RCEP E	2026	2026	0	E!H17236
RCEP E	2027	2027	0	E!I17236
RCEP F	2022	2022	0	F!D17235
RCEP F	2023	2023	0	F!E17235
RCEP F	2024	2024	0	F!F17235
RCEP F	2025	2025	0	F!G17235
RCEP F	2026	2026	0	F!H17235
RCEP F	2027	2027	0	F!I17235
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16165
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16165
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16165
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16165

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9001.90 có 2 dòng thuế; dòng 9001.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sử dụng cho máy ảnh hoặc máy quay phim hoặc máy chiếu.	9001.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9001.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9001.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17923), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.